

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 tháng 02 năm 2021

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1). Ông Nguyễn Văn Tâm

2). Ông Bùi Vĩnh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Kim V, sinh năm xxxx (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Đỗ Hoàng D, sinh năm: xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Kim V trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 1994, bà và ông Trần Đỗ Hoàng D tự quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới. Vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau chung sống, vợ chồng về quê ngoại chồng cất nhà chung sống. Sống không

hạnh phúc do ông D thường xuyên ăn nhậu về nhà kiếm chuyện đánh chửi vợ con nhưng vợ chồng vẫn hàn gắn tình cảm để chung sống. Đến năm 2012, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do ông D có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, người phụ nữ đó còn đến kiếm chuyện đánh bà. Đến năm 2020, ông D vẫn tiếp tục ăn nhậu về nhà kiếm chuyện đánh chửi vợ con nên không thể nào hàn gắn tình cảm được. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đỗ Hoàng D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đỗ Tường V, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Thế V, sinh ngày xx/x/xxxx hiện đang sống với bà. Ly hôn, do cháu V đã trưởng thành và có gia đình nên bà không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu V1 bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

* Ông Trần Đỗ Hoàng D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Kim V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đỗ Hoàng D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Đỗ Hoàng D đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Kim V và ông Trần Đỗ Hoàng D tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 50, quyển số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống do ông D thường xuyên ăn nhậu, không lo cho gia đình về nhà kiếm chuyện đánh chửi vợ con và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà V đã trao đổi hàn gắp tình cảm nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi. Đến khoảng tháng 6 năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do ông D vẫn thường xuyên ăn nhậu, không lo cho gia đình về nhà kiếm chuyện đánh chửi vợ con. Nay tình cảm không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đỗ Hoàng D.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông D không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ông D không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông D có hành vi bạo lực và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc bà V xin ly hôn nhưng ông vẫn không có ý kiến mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không phản đối những nội dung mà bà V đưa ra nên lời trình bày của bà V là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà V khai vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đỗ Tường V, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Thế V, sinh ngày xx/x/xxxx hiện đang sống chung với bà. Ly hôn, cháu V đã trưởng thành và có gia đình nên bà không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu V1 bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà V về việc nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện hiện nay của con chung và phù hợp quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông D do bà V chưa có yêu cầu. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà V nộp án phí ly hôn theo quy định.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Kim V và ông Trần Đỗ Hoàng D
2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thế V, sinh ngày xx/x/xxxx cho bà Hồ Thị Kim V được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Hồ Thị Kim V nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018122 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Bà V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã T, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ

